**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

MÔN ĐỊA LÍ – KHỐI 12 – BÀI: **Kinh tế , an ninh, quốc phòng ở Biển Đông**

**I. HƯỚNG DẪN HỌC TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Bài 42. Kinh tế , an ninh, quốc phòng ở Biển Đông** | 1. Vùng biển , thềm lục địa giàu tài nguyên .
2. Ý nghĩa chiến lược của các đảo và quần đảo .
3. Khai thác tổng hợp các tài nguyên vùng biển và hải đảo.
 |
| *Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu* | - Hs sử dụng Atlat trang 8, 12, 25 xác định các tiềm năng tài nguyên biển VN, các đảo và quần đảo thuộc các tỉnh , thành phố nào ?Tên các cảng biển . |
| *Hoạt động 2: Kiểm tra đánh giá quá trình tự học* | - Học sinh cần nắm được kiến thức trọng tâm của bài học .- Hoàn thành bài tập củng cố- Gửi lại thông tin phản hồi nếu gặp khó khăn trong quá trình tự học  |

**II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**I. VÙNG BIỂN VÀ THỀM LỤC ĐỊA NƯỚC TA GIÀU TÀI NGUYÊN:**

**1. Nước ta có vùng biển rộng lớn:**

 - Diện tích 1 triệu km2.

 - Giáp vùng biển của Trung Quốc, Philippin, Malaysia, Brunei, Indonesia, Singapore, Campuchia, Thái Lan.

 **2. Nước ta có điều kiện phát triển tổng hợp kinh tế biển:**

***a. Khai thác nguồn lợi sinh vật biển:***

***b. Khai thác tài nguyên khoáng sản:***

 - Nguồn muối vô tận, nhiều vùng có điều kiện sản xuất muối (900.000 tấn/năm).

 - Vùng thềm lục địa có nhiều mỏ dầu khí.

 - Ngoài ra, còn có cát và titan.

*c.* ***Phát triển giao thông vận tải biển:***

 - Nằm gần các tuyền đường hàng hải quốc tế.

 - Nhiều vũng vịnh kín gió và cửa sông lớn thuận lợi xây dựng các cảng biển, nhất là các cảng nước sâu.

*d.* ***Phát triển du lịch biển - đảo:***

 - Có nhiều bãi tắm, khí hậu tốt & phong cảnh đẹp.

 - Du lịch biển - đảo phát triển thu hút nhiều du khách.

 - Hoạt động du lịch thể thao dưới nước phát triển.

**II. CÁC ĐẢO VÀ QUẦN ĐẢO CÓ Ý NGHĨA CHIẾN LƯỢC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ BẢO VỆ AN NINH VÙNG BIỂN:**

**1. Vùng biển nước ta có hơn 4000 đảo lớn nhỏ**:

 - Đảo đông dân: Cái Bầu, Cát Bà, Lý Sơn, Phú Quý, Phú Quốc.

 - Quần đảo: Vân Đồn, Cô Tô, Hoàng Sa, Trường Sa, Côn Đảo, Nam Du, Thổ Chu.

**2. Vai trò - ý nghĩa của các đảo và quần đảo:**

 - Tạo thành hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.

 - Là hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển và đại dương nhằm khai thác có hiệu quả các nguồn lợi của biển, đảo và thềm lục địa.

 - Việc khẳng định chủ quyền của nước ta trên các đảo và quần đảo là cơ sở khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo.

**3. Các huyện đảo ở nước ta:**

 - Vân Đồn và Cô Tô (Quảng Ninh).

 - Cát Hải và Bạch Long Vĩ (Hải Phòng).

 - Cồn Cỏ (Quảng Trị).

 - Hoàng Sa (Đà Nẵng).

 - Lý Sơn (Quảng Ngãi).

 - Trường Sa (Khánh Hòa).

 - Phú Quý (Bình Thuận).

 - Côn Đảo (Bà Rịa – Vũng Tàu).

 - Kiên Hải và Phú Quốc (Kiên Giang).

**III. KHAI THÁC TỔNG HỢP CÁC TÀI NGUYÊN VÙNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO:**

**1. Tại sao phải khai thác tổng hợp kinh tế biển:**

 - Hoạt động kinh tế biển rất đa dạng, chỉ có khai thác tổng hợp mới đem lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.

 - Môi trường biển không chia cắt được. Một vùng biển ô nhiễm sẽ ảnh hưởng và gây thiệt hại toàn bộ vùng bờ biển, vùng nước và các đảo xung quanh.

 - Môi trường đảo có diện tích nhỏ, lại biệt lập nên nhạy cảm trước tác động của con người

**2. Khai thác tài nguyên sinh vật biển:**

 - Tránh khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ & các loại có giá trị kinh tế cao.

 - Cấm sử dụng phương tiện đánh bắt có tính chất hủy diệt.

 - Việc đánh bắt xa bờ giúp khai thác tốt nguồn lợi biển; bảo vệ vùng trời, vùng biển và thềm lục địa của nước ta.

**3. Khai thác tài nguyên khoáng sản:**

 - Nghề làm muối truyền thống ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

 - Khai thác dầu khí, đưa khí đồng hành vào đất liền, phát triển ngành khí hóa lỏng, sản xuất điện và phân hóa học.

 - Tương lai, các nhà máy lọc hóa dầu đi vào hoạt động để nâng cao hiệu quả của ngành công nghiệp dầu khí.

 - Chú ý bảo vệ môi trường trong thăm dò, khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí.

**4. Phát triển du lịch biển:**

 - Nâng cấp các trung tâm du lịch biển, đưa vào khai thác các vùng biển và đảo mới.

**5. Giao thông vận tải biển:**

 - Nâng cấp & cải tạo Các cảng hàng hóa lớn: Sài Gòn, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng.

 - Xây dựng các cảng nước sâu: Cái Lân (Quảng Ninh); Nghi Sơn (Thanh Hóa); Vũng Áng (Hà Tĩnh); Dung Quất (Quãng Ngãi); Vũng Tàu (Bà Rịa – Vũng Tàu).

 - Xây dựng các cảng nhỏ.

 - Các tuyến vận tải biển nối đảo với đất liền, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế – xã hội ở các tuyến đảo.

**IV. TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC VỚI CÁC NƯỚC TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ VỀ BIỂN VÀ THỀM LỤC ĐỊA:**

 - Biển Đông là vùng biển chung giữa Việt Nam với nhiều nước nên cần tăng cường đối thoại, hợp tác giữa Việt Nam với các nước liên quan để:

 + Tạo sự phát triển ổn định trong khu vực.

 + Bảo vệ lợi ích chính đáng của nước ta.

 + Giữ vững chủ quyền & toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

 - Việt Nam có nhiều lợi ích từ biển Đông nên mỗi công dân Việt Nam đều có bổn phận bảo vệ vùng biển và hải đảo của đất nước.

**III. BÀI TẬP**

**Câu 1.Tài nguyên khoáng sản có giá trị ở vùng biển nước ta hiện đang được thăm dò và khai thác là**

**A**.sắt và bôxit **B**.muối và cát trăng

**C**.ôxit titan và đá vôi **D**.dầu mỏ và khí tự nhiên.

**Câu 2.Hai tỉnh nào sau đây có nhiều cát trắng ở các đảo để làm thủy tinh, pha lê?**

**A**.Thanh Hóa, Nghệ An **B**.Quảng Bình, Quảng Trị

**C**.Quảng Ninh, Khánh Hòa **D**.Quảng Nam, Quảng Ngãi.

**Câu 3.Một trong những điều kiện dẫn đến nguồn sinh vật biển nước ta phong phú, giàu thành phần loài là**

**A**.biển nước ta sâu, nước biển nóng quanh năm

**B**.độ mặn của nước biển cao, ánh sáng vừa phải

**C**.biển ấm quanh năm, nhiều ánh sáng, giàu ô – xi

**D**.có nhiều dòng biển lạnh, độ mặn của nước biển cao.

**Câu 4.Khó khăn nhất đối với việc khai thác tài nguyên vùng biển và hải đảo của nước ta hiện nay là**

**A**.nguồn lợi thủy hải sản cạn kiệt **B**.phương tiện đánh bắt còn hạn chế

**C**.thiên tai ( bão ) diễn ra thường xuyên **D**.người dân thiếu kinh nghiệm đánh bắt.

**Câu 5.Nước ta có nhiều điều kiện để xây dựng các cảng nước sâu vì**

**A**.có đường bờ biển dài 3260 km **B**.bờ biển dài, có nhiều vụng, kín gió

**C**.biển ấm quanh năm, nhiều ánh sang **D**.bờ biển có nhiều cửa sông, nhiều bãi cát phẵng.

**Câu 6.Tại sao nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch biển?**

**A**.Biển có độ sâu trung bình, rất ít thiên tai xảy ra

**B**.Ven bờ có rất nhiều vũng vịnh, đầm phá, cửa sông

**C**.Có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt

**D**.Nằm gần các tuyến đường hành hải quốc tế trên biển Đông.

**Câu 7.Loại hình du lịch nào sau đây đang thu hút nhiều nhất du khách trong nước và quốc tế?**

**A**.Du lịch biển – đảo **B**.Du lịch lễ hội, tín ngưỡng

**C.**Du lịch sinh thái, mạo hiểm **D**.Du lịch sông nước miệt vườn.

**Câu 8.Tại sao nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tải đường biển?**

**A**.Có nhiều sa khoáng với trữ lượng công nghiệp

**B**.Nằm gần các tuyến hang hải quốc tế trên biển Đông

**C**.Có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt

**D**.Các hệ sinh thái vùng ven biển rất đa dạng giàu có.

**Câu 9.Vùng nào sau đây ở nước ta có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu?**

**A**.Đồng bằng sông Hồng **B**.Duyên Hải Nam Trung Bộ

**C**.Đồng bằng sông Cửu Long **D.**Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 10.Các huyện đảo thuộc thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa là**

**A**.Cồn Cỏ và Lí Sơn **B**.Vân Đồn và Cát Hải

**C**.Kiên Hải và Phú Quốc. **D.** Hoàng Sa và Trường sa

**Câu 11.Thành phố Hải Phòng có những huyện đảo nào?**

**A**.Cồn Cỏ và Cát Hải **B**.Vân Đồn và Cát Hải

**C**.Nam Du và Cô Tô **D**.Cát Hải và Bạch Vĩ Long.

**Câu 12.Ngề làm muối hiện nay phát triển mạnh nhất là ở vùng nào sau đây của nước ta?**

**A**.Bắc Trung Bộ **B**.Đồng bằng sông Hồng

**C**.Duyên Hải Nam Trung Bộ **D**.Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 13.Việc khai thác các mỏ khí thiên nhiên và thu hồi khí đồng hành, đưa vào đất liền đã mở ra bước phát triển mới cho công nghiệp**

**A**.sản xuất, vật liệu xây dựng, cơ khí **B**.đóng tàu, hóa chất, sản xuất xenlulô

**C**.khí hóa lỏng, sản xuất phân bón, điện **D**.luyện kim, cơ khí và chế biến nông sản.

**Câu 14.Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 25, hãy cho biết trung tâm du lịch có ý nghĩa quốc gia ở ven biển**

**A**.Huế, Đà Nẵng **B**.Vinh, Nha Trang

**C**.Hải Phòng, Đà Nẵng **D**.Hạ Long, Vũng Tàu.

**Câu 15. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 17, hãy cho biết vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có khu kinh tế ven biển nào sau đây**

**A**.Vũng Áng **B**.Nghi Sơn **C**.Hòn La **D**.Vân Đồn.

**Câu 16.Cho bảng số liệu**

**SẢN LƯỢNG KHAI THÁC HẢI SẢN NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2009 – 2018**

 ***( đơn vị : nghìn tấn )***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **2009** | **2011** | **2013** | **2015** | **2018** |
| 1791,1 | 1876,3 | 2220,0 | 2510,9 | 2711,1 |
| 20537 | 21552 | 26446 | 27988 | 31235 |

Biểu đồ nào sau đây thể hiện thích hợp nhất sản lượng khai thác hải sản nước ta

 giai đoạn 2009 – 2018

**A**.Biểu đồ cột **B**,Biểu đồ tròn **C.**Biểu đồ miền **D**.Biểu đồ kết hợp.

**Câu 17.Hệ thống các đảo ven bờ của nước ta tập trung nhiều nhất ở vùng biển của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

**A**.Quảng Ninh, Đà Nẵng, Ninh Thuận, Bình Thuận

**B**.Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Ngãi, Quảng Bình

**C**.Quảng Ninh, Hải phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang

**D**.Đà nẵng, Thái Bình, Quảng Nam, hà Tĩnh.

**Câu 18.Các huyện đảo Vân Đồn và Phú Quý ở nước ta lần lượt thuộc các tỉnh**

**A**.Quảng Trị, Bình Thuận **B.**Quảng Ngãi, Khánh Hòa

**C**.Quảng Ninh, Bình Thuận **D**.Quảng bình, Bình Thuận.

**Câu 19.Vùng bờ biển tập trung nhiều bãi tắm đẹp có giá trị hàng đầu đối với hoạt động du lịch biển ở nước ta là**

**A**.ven biển đồng bằng sông Hồng **B**.ven biển Bắc Trung Bộ

**C**.Duyên hải Nam Trung Bộ **D**.ven biển Đông Nam Bộ.

**IV. PHẢN HỒI THÔNG TIN**

(Những thắc mắc của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập)

**TRƯỜNG THPT TẠ QUANG BỬU**

**LỚP**:...............

**HỌ VÀ TÊN HỌC SINH:**.........................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MÔN**  | **NỘI DUNG HỌC TẬP** | **CÂU HỎI CỦA HỌC SINH** |
| **ĐỊA LÍ** | **Bài. Kinh tế , an ninh, quốc phòng ở Biển Đông** | 1. ......................................................................................................................................................2. ......................................................................................................................................................3. ......................................................................... |